

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại	SHL SYNTHDRO FR 46
----------------	--------------------

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL SYNTHDRO FR 46
Đặc tính chung	Ester axit béo và phụ gia tổng hợp
Ứng dụng	Dầu thủy lực chống cháy
Phân loại nguy hiểm	Chất kích ứng
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	
SHL ASEAN CO., LTD.	
Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	
TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288	
Tên nhà cung cấp	SHL ASEAN CO., LTD.
Phòng ban	Viện kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Kích ứng da: Loại 2

Kích ứng mắt: Loại 2

Da mẫn cảm. Loại 1

NHÃN

Hình GHS



Từ kí hiệu

Cảnh báo

Báo cáo nguy hiểm

Gây kích ứng da

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

Rửa tay sau khi tiếp xúc

Tránh hít thở bụi / khói / khí / sương mù / hơi / phun.

Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Đeo găng tay, quần áo, kính và mặt nạ bảo hộ

Biện pháp đối phó

Điều trị cụ thể (xem ... trên nhãn này).

Cởi quần áo nhiễm bẩn và rửa sạch trước khi tái sử dụng.

NEU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng.

Nếu xảy ra kích ứng da và mắt: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

Khi hít vào, di chuyển đến nơi có không khí trong lành hít thở, giữ thẳng bằng trong thái độ dễ chịu.

NEU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng và tiếp tục xả.

Bảo quản

Không có dữ liệu

Xử lý

Chất chứa và thùng chứa được xử lý bằng hệ thống tự xử lý hợp pháp hoặc thông qua công ty xử lý chất thải.

NGUY HIỂM KHÁC

Tiếp xúc nhiều lần có thể gây kích ứng da hoặc tay.

Chỉ số NFPA

Trimethylolpropane Trioleate: Sức khỏe cộng đồng: 1, Lửa: 1, Phản ứng: 0

Methyl Methacrylate, Polyme hóa: Sức khỏe cộng đồng: 1, Cháy: 1, Phản ứng: 0

N-Phenyl-1-Naphthylamine: Sức khỏe cộng đồng: 2, Cháy: 1, Phản ứng: 0

Isopropylethanolamine: Sức khỏe cộng đồng: 1, Cháy: 1, Phản ứng: Không có dữ liệu

Tricresyl Phosphate: Sức khỏe cộng đồng: 1, Lửa: 1, Phản ứng: 0

Bảo mật: Sức khỏe cộng đồng: 1, Lửa: 1, Phản ứng: 0

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Số CAS	Nồng độ (%)
Trimethylolpropane Trioleate	57675-44-2	93 - 98
Methyl Methacrylate, Polyme hóa	9011-14-7	0.5 - 3
N-Phenyl-1-Naphthylamine	1330-78-5	0.5 - 2.5
Tricresyl Phosphate	1330-78-5	< 1
Bảo mật	Bảo mật	< 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Mở mí mắt và rửa mắt bằng nước trong 15 phút.

Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Nhận tư vấn / chăm sóc y tế.

Dính vào da

Rửa sạch vị trí tiếp xúc bằng xà phòng và nước trong 15 phút.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Rời khỏi nơi tiếp xúc.

Nếu khó thở, đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Nuốt phải

Nếu nuốt phải một lượng lớn, hãy điều trị y tế ngay lập tức.

Lời khuyên từ bác sĩ

NEU DÍNH VÀO DA: Nhẹ nhàng rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, cacbon dioxit, nước, bột chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Không có dữ liệu

Chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy

Chất độc sinh ra (các oxit của cacbon).

Phương pháp chữa cháy và công cụ chữa cháy

Người cứu hộ mang thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sơ tán khu vực.

Ngăn chặn dòng chảy từ nguồn hỏa hoạn hoặc chất pha loãng chảy vào cống rãnh hoặc nguồn cung cấp nước uống.

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể và sử dụng nước để làm mát các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Sử dụng nước để làm mát các bề chứa, vật chứa và công trình tiếp xúc với lửa.

Nhân viên chữa cháy nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian kín, thiết bị thở khép kín

Sử dụng bình xịt nước để làm mát các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Tránh hít phải các chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy và tránh tiếp xúc với da.

Không hít thở vật liệu hoặc sản phẩm phụ của quá trình đốt cháy.

Điểm chớp cháy [Phương pháp]: 300 °C (ASTM D-92)

Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % trong không khí) : Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BẢO VỆ CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO VỆ VÀ CÁC THỦ TỤC KHẨN CẤP

Thủ tục thông báo

Trong trường hợp bị tràn hoặc do tai nạn, hãy thông báo cho các cơ quan chức năng có liên quan theo tất cả các quy định ban hành.

Các biện pháp bảo vệ

Tránh di chuyển và tiếp xúc với vật liệu bị đổ.

Tránh hít phải và tiếp xúc với da.

Thay quần áo bị nhiễm bẩn sang quần áo mới.

Đeo mặt nạ phòng độc hoặc thông gió trong phòng kín gió.

Trong trường hợp không đủ thông gió, hãy đeo thiết bị bảo vệ đường hô hấp.

Tắt nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nước.

Không phơi chất thải ra ngoài môi trường tự nhiên.

Ngăn không cho xâm nhập vào đất, mương, cống rãnh, đường nước hoặc nước ngầm.

Nếu khu vực đã bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng các chất hấp thụ.

BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.

Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để xử lý chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh xa nguồn nhiệt / tia lửa / ngọn lửa trần / bề mặt nóng. Không hút thuốc.

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.

Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Không ăn hay hít phải chất. Rửa sạch tay và mặt sau khi xử lý.

Không làm nóng hay làm đầy áp thùng chứa rỗng.

Giữ thùng chứa đóng lại khi không sử dụng.

Không sử dụng khí nén để nạp, xả hoặc xử lý.

Xử lý chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khí vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đóng kín thùng chứa.

Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để điều chỉnh áp suất ra ngoài.

Lưu trữ trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định ban hành.

Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Nhận danh hóa chất	Giới hạn phơi nhiễm	ACGIH kiểm soát hoạt động	Giới hạn phơi nhiễm sinh học
Trimethylolpropane Trioleate	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu
Methyl Methacrylate, Polyme hóa	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu
N-Phenyl-1-Naphthylamine	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu
Tricresyl Phosphate	Không có dữ liệu	0.1 mg/m ³ TWA (da)	Không có dữ liệu
Secret	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Phải cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ phù hợp với thực hành kỹ thuật tốt để hơi giữ dầu có nồng độ dưới PEL.

Kiểm tra xem độ phơi sáng có phù hợp với tiêu chí phơi sáng hay không.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.

Nếu sản phẩm được xử lý theo cách tạo ra hơi, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt để tránh phơi nhiễm quá mức.

Sử dụng mặt nạ phòng độc che kín mặt hoặc mặt nạ phòng độc làm sạch không khí đối với hơi hữu cơ.

Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.

Lắp đặt hệ thống rửa mắt gần khu vực làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ cơ thể

Mặc đồ bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Chất lỏng màu vàng hoặc màu nâu trong suốt
Mùi	Có mùi ester đặc trưng
pH	Không áp dụng
Điểm nóng chảy	< - 30 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	300 °C (COC)
Sự oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	Không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước	Không tan trong nước
Mật độ hơi	> 5 (Air=1)
Tỷ trọng	0.91±0.02 (15/4 °C)
Hệ số phân bố	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu

Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	46.4 cSt (40°C)
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, sử dụng ở điều kiện thường.

Khả năng tạo ra các chất nguy hiểm trong quá trình cháy

Không xảy ra.

Điều kiện và chất cần tránh

Tất cả các nguồn gây cháy và quá nhiệt, và vật liệu cấm tiếp xúc (chất oxy hóa mạnh).

Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

Khói độc, các khí gây kích ứng hoặc ăn mòn có thể sinh ra trong quá trình phân hủy nhiệt.

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MỐI NGUY HẠI

Hít phải

Sương và hơi có thể gây kích ứng mũi và đường hô hấp.

Dính vào mắt

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng.

Dính vào da

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng.

Nuốt phải

Không có dữ liệu

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng

Trimethylolpropane Trioleate	Không có dữ liệu
Methyl Methacrylate, Polyme hóa	Không có dữ liệu
N-Phenyl-1-Naphthylamine	LD50 1625 mg/kg Chuột
Tricresyl Phosphate	LD50 3000 mg/kg Chuột
Bảo mật	LD50 >5000 mg/kg Chuột

Độc tính cấp tính qua da

Trimethylolpropane Trioleate	Không có dữ liệu
Methyl Methacrylate, Polyme hóa	Không có dữ liệu
N-Phenyl-1-Naphthylamine	Không có dữ liệu
Tricresyl Phosphate	LD50 1500 mg/kg Mèo
Bảo mật	Không có dữ liệu

Độc tính cấp tính khi hít phải

Trimethylolpropane Trioleate	Không có dữ liệu
Methyl Methacrylate, Polyme hóa	Không có dữ liệu
N-Phenyl-1-Naphthylamine	Không có dữ liệu
Tricresyl Phosphate	Không có dữ liệu
Bảo mật	LC50 >535 mg/l Chuột

Kích ứng da Kích ứng

Kích ứng mắt Kích ứng

Độc tính cấp tính Không có dữ liệu

Độc tính liều lặp lại	Không có dữ liệu
Biến đổi gen	Không áp dụng
Ảnh hưởng tới thế hệ sau	Không áp dụng
Tính gây ung thư	Không áp dụng
Lời khuyên bổ sung	Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Dự kiến rằng chất này không độc hại đối với các sinh vật sống dưới nước.

LAN TRÊN ĐẤT	Không có dữ liệu
KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC	Hơn 70% phân hủy sinh học trong vòng 28 ngày
KHẢ NĂNG TÍCH HỢP SINH HỌC	Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Phân loại như các chất thải được chỉ định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

Quản lý theo các cơ sở xử lý chất thải thích hợp.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ Tuân theo các tiêu chuẩn cụ thể của Luật quản lý chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng rỗng có thể chứa cặn và chất gây nguy hiểm. Không cố gắng đổ đầy hoặc làm sạch bình chứa mà không có hướng dẫn thích hợp. Các thùng rỗng phải được xả hoàn toàn và cất giữ an toàn cho đến khi được cải tạo hoặc xử lý thích hợp. Các thùng rỗng nên được mang đi tái chế, thu hồi hoặc tiêu hủy thông qua nhà thầu có đủ năng lực hoặc được cấp phép phù hợp với các quy định của chính phủ.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại và quy định Theo quy tắc vận chuyển và bảo quản tàu về vật liệu nguy hiểm của luật an toàn tàu: Không quy định

Chú ý trong quá trình vận chuyển: Không có dữ liệu

Chất ô nhiễm biển: Không có dữ liệu

Phân loại và Quy định Theo Quy tắc Vận tải Nước ngoài: Không được quản lý vận chuyển theo mã UN, IMDG, ADR / RID, IATA / ICAO

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Luật quản lý chất độc hại	Không áp dụng
Luật quản lý an toàn khí áp cao	Không áp dụng
Luật kiểm soát chất thải	Phân loại như chất thải được chỉ định.

Vứt bỏ chất và vật chứa theo các quy tắc và quy định ban hành.

Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm

Không được phân loại là hàng hóa nguy hiểm.

Quy định theo luật nước ngoài

EC : Phân loại EC: Không áp dụng

Ký hiệu EC: Không áp dụng

Dữ liệu về rủi ro và an toàn của EC: Không áp dụng

USA : CERCLA 103(40CFR302.4): Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119): Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30): Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) : Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

TSCA: Đã được liệt kê

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp vật liệu thô

Viết ngày

30/10/2001

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày

Rev. 3

15/06/2021

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần phần tài liệu này. Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và sự phòng ngừa nên được nắm rõ.